TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02-8-2018
V/v "tranh chấp về Hôn nhân và gia đình - ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Hân Em

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Hoàng.

2. Ông Nguyễn Thành Phước.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Đặng Huỳnh Hoa Lý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: không tham gia.

Trong ngày 02 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2018/TLST-HNGĐ ngày 04/6/2018 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 305/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/7/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Huỳnh Thị Nàng U**, sinh năm 1997 (có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: anh **Võ Minh T**, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 09/7/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Huỳnh Thị Nàng U trình bày: sau thời gian tự tìm hiểu, tôi và anh Võ Minh T tiến đến hôn nhân vào năm 2017, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang vào ngày 31/8/2017. Thời gian đầu chúng tôi chung sống hạnh phúc và sinh được một con chung tên Võ Minh Đ, sinh ngày 14/3/2018. Tuy nhiên, đến tháng 11 năm 2017

thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến vợ con. Sau khi uống rượu thì anh T có những lời lẽ thô tục với mẹ tôi và gây gổ với tôi, có lần tôi với anh T xô xát nhau. Ngoài ra, tôi với anh T cũng mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, vì khi tôi sinh con thì có mượn mẹ tôi 5.200.000 đồng nên có gửi trả thì anh T cho rằng tôi và mẹ tôi lừa dối anh để lấy tiền. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên không còn sống chung từ tháng 4 năm 2018 cho đến nay.

Nay không còn tình cảm với anh T nên tôi yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về quan hệ con chung: cháu Võ Minh Đ còn nhỏ và đang sống chung với tôi nên khi ly hôn tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại tờ tự khai ngày 09 tháng 7 năm 2018 và tại phiên tòa bị đơn anh Võ Minh T trình bày: tôi thống nhất với lời trình bày của cô Huỳnh Thị Nàng U về thời gian chung sống, thời gian kết hôn và về con chung. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn là do trước đây tôi có nghe cô U nói có mượn mẹ vợ tôi số tiền 5.200.000 đồng. Sau khi cô U sinh con thì có nhận được tiền hậu sản là 27.000.000 đồng thì cô U lại nói thiếu mẹ vợ 20.000.000 đồng. Mặc dù lúc đó tôi cũng buồn phiền vì vợ mượn tiền mà không cho tôi biết. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng tôi cũng trả cho mẹ vợ tôi 20.000.000 đồng. Sau đó tôi có hỏi cô U còn thiếu mẹ vợ số tiền nào nữa không, thì cô U lại nói còn thiếu mẹ vợ tôi thêm 4.000.000 đồng nữa. Do quá tức giận nên tôi với cô U có xảy ra cự cãi thì vợ và mẹ vợ cùng đánh tôi. Khi xô xát thì tôi chỉ đẩy vợ và mẹ vợ ra chứ tôi không đánh cô U. Sau đó, cô U đã đuổi tôi ra khỏi nhà, tôi có đến thăm con nhiều lần nhưng tôi chỉ gặp con tôi được hai lần. Do trước khi đi tôi có để đồ trong tủ áo nên khi đến thăm con, tôi mở tủ để lấy đồ thì vợ tôi cho rằng tôi tự ý lục đồ nên cầm chổi đánh tôi. Kể từ đó tôi không đến thăm con nữa. Thời gian qua, mặc dù cha mẹ ruột tôi có đến động viên cho vợ chồng tôi hàn gắn tình cảm nhưng vợ và mẹ vợ cố tình né tránh, không muốn gặp cha mẹ tôi.

Quá trình chung sống tôi với cô U không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay cô U yêu cầu ly hôn thì tôi có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: trước đây tôi không đồng ý ly hôn với cô Huỳnh Thị Nàng U nhưng nay nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng nên cô U yêu cầu ly hôn thì tôi đồng ý.

- Về con chung: tôi với cô U có một con chung tên Võ Minh Đ. Nếu Tòa án giải quyết cho tôi với cô U được ly hôn thì tôi đồng ý giao con cho cô U tiếp tục nuôi dưỡng (hiện cháu Đ đang sống với cô U).

- Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình - ly hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Võ Minh T đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp P, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Huỳnh Thị Nàng U với anh Võ Minh T chung sống với nhau từ năm 2017, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 73/KH, ngày 31/8/2017. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị U với anh T phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị Nàng U, thấy rằng: chị U với anh Tchung sống hạnh phúc thời gian đầu. Đến tháng 11 năm 2017, xảy ra mâu thuẫn. Chị U cho rằng anh T có những lời lẽ thô tục xúc phạm đến chị và ba mẹ chị và còn đánh đập chị nên chị không còn tình cảm với anh T nữa. Anh T thì cho rằng, anh vẫn còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên tại phiên tòa, anh T lại đồng ý ly hôn với chị U.

Hội đồng xét xử xét thấy: chị U và anh T đã phát sinh mâu thuẫn từ tháng 11/2017, cả hai thường xuyên cự cãi nhau, có lần xô xát lẫn nhau. Hiện chị U và anh T đã ly thân từ tháng 4 năm 2018 đến nay. Quá trình hòa giải, Tòa án đã động viên để các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị U kiên quyết ly hôn nên hòa giải đoàn tụ không thành. Tại phiên tòa hôm nay, chị U vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn; anh T cũng đồng ý ly hôn với chị U. Điều này thể hiện tình trạng hôn nhân giữa chị U với anh T mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị U yêu cầu ly hôn và được anh T đồng ý. Do đó, áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Huỳnh Thị Nàng U với anh Võ Minh T.

[4] Về quan hệ con chung: cô U với anh T có 01 con chung tên Võ Minh Đ, sinh ngày 14/3/2018. Cô Uyêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Đức, không yêu cầu anh Tcấp dưỡng nuôi con. Anh T đồng ý giao con cho cô U nuôi dưỡng. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, nên cần công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị U với anh T; giao cháu Võ Minh Đ cho cô U tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị U không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Cô U cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[5] Về tài sản chung: cô U và anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: không có.

[7] Do chị Huỳnh Thị Nàng U yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24 và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Nàng U.

- Về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Huỳnh Thị Nàng U với anh Võ Minh T.

- Về quan hệ con chung: công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị U và anh Tâm.

+ Giao cháu Võ Minh Đ, sinh ngày 14/3/2018 cho chị Huỳnh Thị Nàng U tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (hiện cháu Đ đang sống chung với chị U).

+ Chị Huỳnh Thị Nàng U cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, của cơ quan có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về nợ chung: ghi nhận cô U và anh T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị Huỳnh Thị Nàng U và anh Võ Minh T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Huỳnh Thị Nàng U phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001189 ngày 04/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh An Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (để biết);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Hân Em